

PHỤ LỤC: DIỆN TÍCH SỬ DỤNG CĂN HỘ

(Kèm theo văn bản Số: ...**953**.../2025/CV-TĐ ngày **46**. tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô)

STT	Tòa Chung cư nhà ở xã hội	Kí hiệu căn hộ	Diện tích sử dụng căn hộ (m2)	Số lượng căn hộ	Tổng diện tích sử dụng (m2)
1	NOXH 01	CĂN HỘ CH1A	59,8	13	777,4
2		CĂN HỘ CH2A	62,3	13	809,9
3		CĂN HỘ CH3A	62,3	13	809,9
4		CĂN HỘ CH4A	60,6	13	787,8
5		CĂN HỘ CH5A	75	13	975
6		CĂN HỘ CH6A	68,5	13	890,5
7		CĂN HỘ CH7A	40	13	520
8		CĂN HỘ CH8A	61,9	13	804,7
9		CĂN HỘ CH9A	62	13	806
10		CĂN HỘ CH10A	62	13	806
11		CĂN HỘ CH11A	40	4	160
12		CĂN HỘ CH12A	62	4	248
13		CĂN HỘ CH13A	65	4	260
14		CĂN HỘ CH14A	65,2	4	260,8
15		CĂN HỘ CH15A	62,3	4	249,2
16		CĂN HỘ CH16A	62,3	4	249,2
17		CĂN HỘ CH17A	62,3	13	809,9
18		CĂN HỘ CH18A	62,3	13	809,9
19		CĂN HỘ CH19A	59,8	13	777,4
20		CĂN HỘ CH1B	72,2	17	1227,4
21		CĂN HỘ CH2B	62,3	17	1059,1
22		CĂN HỘ CH3B	62,3	17	1059,1
23		CĂN HỘ CH4B	73,8	4	295,2
24		CĂN HỘ CH5B	40,4	4	161,6
25		CĂN HỘ CH6B	64,9	4	259,6
26		CĂN HỘ CH7B	64,6	4	258,4
27		CĂN HỘ CH8B	40	4	160
28		CĂN HỘ CH9B	63,9	4	255,6
29		CĂN HỘ CH10B	61,9	4	247,6
30		CĂN HỘ CH11B	61,9	17	1052,3
31		CĂN HỘ CH12B	61,9	17	1052,3
32		CĂN HỘ CH13B	61,9	17	1052,3
33		CĂN HỘ CH14B	65,5	17	1113,5
34		CĂN HỘ CH15B	67,2	17	1142,4
35		CĂN HỘ CH16B	62,3	17	1059,1
36		CĂN HỘ CH17B	72,2	17	1227,4
37	NOXH 02	CĂN HỘ CH1A	42,9	12	514,8
38		CĂN HỘ CH2A	36,2	12	434,4
39		CĂN HỘ CH3A	62,2	12	746,4
40		CĂN HỘ CH4A	62,2	12	746,4
41		CĂN HỘ CH5A	64,9	12	778,8
42		CĂN HỘ CH6A	64,9	12	778,8
43		CĂN HỘ CH7A	66,7	12	800,4

0595
TY
HÀN
Ư VÀ
G MẠI
ĐỒ
HỒ HÀ N

STT	Tòa Chung cư nhà ở xã hội	Kí hiệu căn hộ	Diện tích sử dụng căn hộ (m2)	Số lượng căn hộ	Tổng diện tích sử dụng (m2)
44	NOXH 02	CĂN HỘ CH8A	75,2	12	902,4
45		CĂN HỘ CH9A	72,4	12	868,8
46		CĂN HỘ CH10A	61,9	12	742,8
47		CĂN HỘ CH11A	61,9	12	742,8
48		CĂN HỘ CH12A	61,9	12	742,8
49		CĂN HỘ CH13A	61,9	12	742,8
50		CĂN HỘ CH14A	65,8	12	789,6
51		CĂN HỘ CH15A	65,5	12	786
52		CĂN HỘ CH16A	65,5	12	786
53		CĂN HỘ CH17A	46,5	12	558
54		CĂN HỘ CH18A	62,2	12	746,4
55		CĂN HỘ CH19A	62,2	12	746,4
56		CĂN HỘ CH20A	36,2	12	434,4
57		CĂN HỘ CH21A	42,9	12	514,8
58		CĂN HỘ CH1B	42,9	19	815,1
59		CĂN HỘ CH2B	36	19	684
60		CĂN HỘ CH3B	61,9	19	1176,1
61		CĂN HỘ CH4B	66,7	12	800,4
62		CĂN HỘ CH5B	61,9	19	1176,1
63		CĂN HỘ CH6B	61,9	19	1176,1
64		CĂN HỘ CH7B	69	19	1311
65		CĂN HỘ CH8B	67	19	1273
66		CĂN HỘ CH9B	61,9	19	1176,1
67		CĂN HỘ CH10B	36,1	19	685,9
68		CĂN HỘ CH11B	42,2	19	801,8
69		CĂN HỘ CH12B	42,2	19	801,8
70		CĂN HỘ CH13B	36,1	19	685,9
71		CĂN HỘ CH14B	62,2	19	1181,8
72		CĂN HỘ CH15B	62,2	19	1181,8
73		CĂN HỘ CH16B	36,2	19	687,8
74		CĂN HỘ CH17B	42,9	19	815,1
75		CĂN HỘ CH1C	42,9	19	815,1
76		CĂN HỘ CH2C	36,2	19	687,8
77		CĂN HỘ CH3C	62,2	19	1181,8
78		CĂN HỘ CH4C	66,7	12	800,4
79		CĂN HỘ CH5C	76,3	19	1449,7
80		CĂN HỘ CH6C	61,9	19	1176,1
81		CĂN HỘ CH7C	61,9	19	1176,1
82		CĂN HỘ CH8C	75,5	19	1434,5
83		CĂN HỘ CH9C	75,5	19	1434,5
84		CĂN HỘ CH10C	67	19	1273
85		CĂN HỘ CH11C	64,9	19	1233,1
86		CĂN HỘ CH12C	64,9	19	1233,1
87		CĂN HỘ CH13C	62,2	19	1181,8
88		CĂN HỘ CH14C	62,2	19	1181,8
89		CĂN HỘ CH15C	36,2	19	687,8

STT	Tòa Chung cư nhà ở xã hội	Kí hiệu căn hộ	Diện tích sử dụng căn hộ (m2)	Số lượng căn hộ	Tổng diện tích sử dụng (m2)
90	NOXH 02	CĂN HỘ CH16C	42,9	19	815,1
91		CĂN HỘ CH1D	69,9	12	838,8
92		CĂN HỘ CH2D	62,3	12	747,6
93		CĂN HỘ CH3D	62,3	12	747,6
94		CĂN HỘ CH4D	65,2	12	782,4
95		CĂN HỘ CH5D	65,1	12	781,2
96		CĂN HỘ CH6D	61,9	12	742,8
97		CĂN HỘ CH7D	61,9	12	742,8
98		CĂN HỘ CH8D	61,9	12	742,8
99		CĂN HỘ CH9D	61,9	12	742,8
100		CĂN HỘ CH10D	71,1	12	853,2
101		CĂN HỘ CH11D	64,9	12	778,8
102		CĂN HỘ CH12D	64,9	12	778,8
103		CĂN HỘ CH13D	62,2	12	746,4
104		CĂN HỘ CH14D	62,2	12	746,4
105		CĂN HỘ CH15D	62,2	12	746,4
106		CĂN HỘ CH16D	69,9	12	838,8
107		CĂN HỘ CH3B*	48,7	7	340,9
108		CĂN HỘ CH4B*	65,8	7	460,6
109		CĂN HỘ CH4B**	65,5	7	458,5
110		CĂN HỘ CH4C*	62,4	7	436,8
111	TỔNG CỘNG			1476	87644,4

